

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI
Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phá Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm
Ông Nguyễn Việt Hà
Ông Hoàng Mạnh Hải
Ông Nguyễn Hữu Hằng
Ông Trần Văn Dur
Ông Phạm Văn Thư
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Thành viên (bồ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Thành viên (bồ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Thành viên (bồ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư
Ông Phạm Kim Lâm
Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Nguyễn Văn Thùy

Tổng Giám đốc (bồ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số liệu kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 06 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam - vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2013. Doanh thu năm 2013 được ghi nhận theo đơn giá tạm tính trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về phương án giá điện và sẽ điều chỉnh lại khi có thỏa thuận chính thức với Công ty Mua bán Điện. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 14 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm, Công ty đã thay đổi tỷ lệ phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Ban Giám đốc tin tưởng việc áp dụng tỷ lệ phân bổ mới sẽ phản ánh phù hợp hơn kết quả hoạt động của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

10.
TY
HUU
TTE
:AN
19.

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.297.705.146.645	6.640.574.778.843
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.185.659.130.762	1.006.797.429.788
1. Tiền	111		7.359.130.762	14.397.429.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.178.300.000.000	992.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.753.051.965.073	3.466.051.965.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.753.051.965.073	3.466.051.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.413.056.564.169	1.365.390.021.451
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.410.412.054.960	1.245.715.489.317
2. Trả trước cho người bán	132		381.295.782	62.214.658.719
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		4.136.542.251	-
4. Các khoản phải thu khác	135	8	986.316.264	59.232.196.047
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.859.645.088)	(1.772.322.632)
IV. Hàng tồn kho	140	9	938.611.841.068	785.027.831.691
1. Hàng tồn kho	141		1.114.519.480.403	945.160.124.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(175.907.639.335)	(160.132.292.692)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.325.645.573	17.307.530.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.998.682	2.614.785
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.664.749.902	16.955.769.716
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		601.896.989	349.146.339
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		4.598.176.719.167	5.431.961.943.277
I. Tài sản cố định	220		1.871.155.948.593	2.560.146.929.339
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.521.600.532.815	2.105.496.035.177
- Nguyên giá	222		13.414.396.028.365	13.319.249.952.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.892.795.495.550)	(11.213.753.917.008)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	15.279.097.773	21.209.719.306
- Nguyên giá	228		57.787.131.156	57.811.572.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.508.033.383)	(36.601.852.790)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	334.276.318.005	433.441.174.856
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.720.590.118.800	2.690.648.447.259
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.287.511.270.650	1.177.771.286.768
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	1.555.288.160.491	1.555.288.160.491
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(122.209.312.341)	(42.411.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.430.651.774	181.166.566.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.430.651.774	6.089.602.963
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	-	175.076.963.716
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.895.881.865.812	12.072.536.722.120

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.460.257.568.927	7.881.288.964.294
I. Nợ ngắn hạn	310		1.456.077.196.391	1.396.403.046.758
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	370.680.030.132	447.233.514.089
2. Phải trả người bán	312		276.827.885.182	202.967.931.171
3. Người mua trả tiền trước	313		446.877.527	1.756.892.116
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	317.548.832.068	156.909.348.527
5. Phải trả người lao động	315		105.860.526.231	86.545.557.484
6. Chi phí phải trả	316	19	377.651.660.326	492.757.976.494
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.348.346.076	5.202.177.856
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.713.038.849	3.029.649.021
II. Nợ dài hạn	330		5.004.180.372.536	6.484.885.917.536
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	5.004.180.372.536	6.484.885.917.536
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		5.397.100.318.579	4.156.071.272.037
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.397.100.318.579	4.156.071.272.037
1. Vốn điều lệ	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	157.128.522.365	155.099.300.459
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	272.781.996.456	263.971.237.362
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	113.201.049.000	82.781.058.500
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	1.717.241.479.607	517.472.404.565
C. LỢI ÍCH CỦA CÓ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		38.523.978.306	35.176.485.789
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.895.881.865.812	12.072.536.722.120

CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

1. Nợ khó đòi đã xử lý

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

31/12/2013	31/12/2012
107.261.329	107.261.329

Công ty
Cổ phần
NHIỆT ĐIỆN
PHẢ LẠI
Chí Linh - Hải Dương
M.S.D.N.08107261329
28/3/2014

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI
Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	6.588.538.129.558	4.130.557.827.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.588.538.129.558	4.130.557.827.173
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	5.558.156.409.385	3.666.402.548.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.030.381.720.173	464.155.278.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.625.146.781.108	658.193.920.825
7. Chi phí tài chính	22	27	235.095.520.281	269.433.582.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		155.070.875.542	206.288.239.379
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		103.078.282.638	97.219.222.549
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		2.317.354.698.362	755.696.394.155
10. Thu nhập khác	31		4.790.586.587	49.580.066.481
11. Chi phí khác	32		2.241.779.686	9.354.466.094
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.548.806.901	40.225.600.387
13. (Lỗ) trong công ty liên kết	45	28	(69.635.218.419)	(15.684.483.382)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.250.268.286.844	780.237.511.160
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	436.090.909.288	150.301.925.643
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52	16	175.076.963.716	116.717.975.810
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.639.100.413.840	513.217.609.707
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		9.569.724.058	8.399.809.748
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		1.629.530.689.782	504.817.799.959
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.122	1.587

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.250.268.286.844		780.237.511.160	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	694.431.496.937		693.114.625.676	
- Các khoản dự phòng	03	96.660.981.440		16.171.853.406	
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.136.261.285.750)		(103.874.756.847)	
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(394.642.178.036)		(553.568.975.213)	
- Chi phí lãi vay	06	155.070.875.542		206.288.239.379	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.665.528.176.977		1.038.368.497.561	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.829.000.161)		(415.015.128.614)	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(169.498.919.770)		(112.129.188.959)	
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.373.187.885		428.247.858.716	
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	3.851.103.167		6.815.917.020	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(166.579.478.951)		(215.778.839.379)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(278.826.806.400)		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(22.257.448.734)		(18.194.187.124)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.064.760.814.013		712.314.929.221	
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(140.950.895.484)		(383.129.314.089)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-		248.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.294.200.000.000)		(3.709.920.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.007.200.000.000		3.075.770.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(230.000.000.000)		(40.000.000.000)	
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cố tức và lợi nhuận được chia	27	513.990.660.502		579.105.738.967	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(143.960.234.982)		(477.925.575.122)	
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(420.997.743.207)		(407.359.971.204)	
2. Cố tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(320.941.134.850)		(2.750.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(741.938.878.057)		(410.109.971.204)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	178.861.700.974		(175.720.617.105)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.006.797.429.788		1.182.518.046.893	
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60$)	70	1.185.659.130.762		1.006.797.429.788	

Nguyễn Quang Huy
Người lập biếu

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phà Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phà Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phà Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phà Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phà Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phà Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.382 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.395).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013	2012
Số năm	Số năm	Số năm
Lợi thế thương mại	3	10

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Dánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phà Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp dường thăng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình theo hướng dẫn tại Công văn số 2190 ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

	Từ ngày 10/6/2013	2012
	Số năm	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25	10 - 50
Máy móc và thiết bị	10	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 30	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10	03 - 25

Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng ước tính được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư khoán mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoán mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoán mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bằng cách đổi kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	129.248.803	100.621.330
Tiền gửi ngân hàng	7.229.881.959	14.296.808.458
Các khoản tương đương tiền (i)	1.178.300.000.000	992.400.000.000
	1.185.659.130.762	1.006.797.429.788

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.735.200.000.000	1.446.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.017.851.965.073	2.020.051.965.073
	3.753.051.965.073	3.466.051.965.073

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMIC), và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty theo hợp đồng Ủy thác quản lý vốn số 01/2013 ngày 20 tháng 8 năm 2013 và số 02/2013 ngày 26 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, có thời hạn 1 năm kể từ ngày ký, lãi suất 9,125%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu tiền điện	1.297.849.812.925	1.091.595.212.489
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	83.233.748.964	133.547.910.075
Phải thu khách hàng khác	29.328.493.071	20.572.366.753
	1.410.412.054.960	1.245.715.489.317
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.859.645.088)	(1.772.322.632)
	1.407.552.409.872	1.243.943.166.685

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	58.640.804.046
Phải thu khác	986.316.264	591.392.001
	986.316.264	59.232.196.047

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang trên đường	-	20.545.432
Nguyên liệu, vật liệu	1.106.937.777.521	938.963.672.979
Công cụ, dụng cụ	6.832.236.974	6.149.415.090
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.180.882	26.490.882
Thành phẩm	726.285.026	-
	1.114.519.480.403	945.160.124.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(175.907.639.335)	(160.132.292.692)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	938.611.841.068	785.027.831.691

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 15.775.346.643 VND (năm 2012: 16.543.530.774 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI

Phường Phà Lai, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
MẪU SO B 09-DN/HN

NGUYỄN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị: VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị					
Tại ngày 01/01/2013	1.709.167.210.365	11.475.102.798.043	84.632.305.341	47.295.055.008	3.052.583.428	13.319.249.952.185	
Tăng trong năm	882.638.983	106.108.374.115	-	1.794.106.014	1.43.300.000	108.928.419.112	
Mua sắm mới	882.638.983	106.031.218.694	-	1.871.261.435	1.43.300.000	108.928.419.112	
Phân loại lại	-	77.155.421	-	(77.155.421)	-	-	
Giảm trong năm	(111.692.563)	(4.514.706.299)	(505.220.205)	(8.124.103.177)	(526.620.688)	(13.782.342.932)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(303.300.052)	-	(303.300.052)	
Phản loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	(111.692.563)	(4.514.706.299)	(505.220.205)	(7.820.803.125)	(526.620.688)	(13.479.042.880)	
Tại ngày 31/12/2013	1.709.938.156.785	11.576.696.465.859	84.127.085.136	40.965.057.845	2.669.262.740	13.414.396.028.365	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÝ KẾ							
Tại ngày 01/01/2013	1.254.168.155.695	9.858.244.851.466	59.475.814.029	39.977.629.925	1.887.465.893	11.213.753.917.008	
Tăng trong năm	44.935.666.604	636.480.735.514	4.312.636.013	2.414.797.466	357.039.807	688.500.875.404	
Trích khấu hao	44.935.666.604	636.507.106.935	4.312.636.013	2.388.426.045	357.039.807	688.500.875.404	
Phân loại lại	-	(26.371.421)	-	26.371.421	-	-	
Giảm trong năm	-	(2.574.240.400)	(419.327.831)	(6.057.110.000)	(408.618.631)	(9.459.296.862)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(293.263.784)	-	(293.263.784)	
Phản loại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(2.574.240.400)	(419.327.831)	(5.763.846.216)	(408.618.631)	(9.166.033.078)	
Tại ngày 31/12/2013	1.299.103.822.299	10.492.151.346.580	63.369.122.211	36.335.317.391	1.835.887.069	11.892.795.495.550	
GIÁ TRỊ CỐN LẠI							
Tại ngày 31/12/2013	410.834.334.486	1.084.545.119.279	20.757.962.925	4.629.740.454	833.375.671	1.521.600.532.815	
Tại ngày 31/12/2012	454.999.054.670	1.616.857.946.577	25.156.491.312	7.317.325.083	1.165.117.535	2.105.496.035.177	

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hưu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, việc áp dụng thời gian hữu dụng ước tính mới này làm chi phí khấu hao của tài sản cố định hưu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cao hơn so với áp dụng thời gian hữu dụng ước tính cũ khoảng 20,5 tỷ VND.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 1.424 tỷ VND (31/12/2012: 4.569 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	<i>Đơn vị: VND</i> Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2013	57.414.901.632	396.670.464	57.811.572.096
Giảm khác	-	(24.440.940)	(24.440.940)
Tại ngày 31/12/2013	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KÉ			
Tại ngày 01/01/2013	36.247.951.259	353.901.531	36.601.852.790
Trích khấu hao	5.887.852.600	42.768.933	5.930.621.533
Giảm khác	-	(24.440.940)	(24.440.940)
Tại ngày 31/12/2013	42.135.803.859	372.229.524	42.508.033.383
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	15.279.097.773	-	15.279.097.773
Tại ngày 31/12/2012	21.166.950.373	42.768.933	21.209.719.306

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	332.972.610.328	432.547.662.803
Xây dựng cơ bản khác	1.303.707.677	893.512.053
	334.276.318.005	433.441.174.856

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	và hoạt động	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
			%	%	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương		50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá gốc khoản đầu tư	1.423.455.770.150	1.193.455.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(135.944.499.500)	(15.684.483.382)
	1.287.511.270.650	1.177.771.286.768

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	và hoạt động	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
			%	%	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng		25,49	21,49	Sản xuất điện

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẨ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng tài sản	20.806.303.354.391	20.017.678.488.464
Tổng công nợ	16.080.339.173.017	15.578.212.762.253
Tài sản thuần	4.725.964.181.374	4.439.465.726.211
Phản tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	1.204.648.269.832	954.041.184.563

Lợi thế thương mại phát sinh từ mua công ty liên kết:

	VND
Tại ngày 01/01/2013	223.730.102.205
Phản bồi trong năm	140.867.101.388
Tại ngày 31/12/2013	82.863.000.817

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ phân bổ lợi thế thương mại phát sinh như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn kết quả hoạt động của Công ty. Nếu tỷ lệ phân bổ trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2013 sẽ giảm đi với số tiền là 116.008.201.143 VND.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
	1.555.288.160.491	1.555.288.160.491
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(122.209.312.341)	(42.411.000.000)
	1.433.078.848.150	1.512.877.160.491

(i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.

(ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có giá hạn góp vốn.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẨ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoán lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoán lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này ký và các ký kế toán trước.

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả	
	31/12/2013	31/12/2012	hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoán lại				
Chênh lệch tỷ giá (i)	-	175.076.963.716	(175.076.963.716)	(116.717.975.810)
Chi phí thuế TNDN hoán lại phát sinh trong năm			(175.076.963.716)	(116.717.975.810)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty phân bổ toàn bộ số dư tài sản thuế thu nhập hoán liên quan đến lỗ chênh lệch tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào năm tài chính 2013.

17. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	370.680.030.132	447.233.514.089
	370.680.030.132	447.233.514.089

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.816.003.236	7.579.536.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	305.470.162.561	148.206.059.673
Thuế thu nhập cá nhân	200.671.800	221.983.600
Các loại thuế khác	2.061.994.471	901.769.111
	317.548.832.068	156.909.348.527

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	41.520.796.591	53.029.400.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	332.972.610.328	432.547.662.803
Các khoản khác	3.158.253.407	7.180.913.691
	377.651.660.326	492.757.976.494

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 JPY VND tương đương	31/12/2012 JPY VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.922.762.974	5.374.860.402.668
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
Số dư vay dài hạn	25.066.020.700	5.004.180.372.536
	26.922.762.974	6.484.885.917.536

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phà Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/09/2006. Thời hạn cho vay là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013 JPY VND tương đương	31/12/2012 JPY VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	370.680.030.132
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	370.680.030.132
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.112.040.090.396
Sau năm năm	17.639.051.604	3.521.460.252.008
	26.922.762.974	5.374.860.402.668
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(370.680.030.132)
Số phải trả dài hạn	25.066.020.700	5.004.180.372.536
	26.922.762.974	6.484.885.917.536

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LÃI

Phường Pha Lai, thị xã Chi Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ nhuân sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	31.909.573.932
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	504.817.799.959
Phản phôi lợi nhuận	-	-	-	-	-	281.058.500	(5.254.969.326)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	5.353.290.419	-	717.705.848.290	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	-	-	-	(5.353.290.419)	-	(14.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.262.350.000.000	155.099.300.459	(125.602.728.849)	-	263.971.237.362	82.781.058.500	517.472.404.565
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.629.530.689.782
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	-	-	(318.154.614.000)
Phản phôi các quỹ trong năm (i)	-	-	-	-	-	30.419.990.500	(64.627.273.041)
Giảm do điều chỉnh theo phương pháp vẫn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(46.979.727.699)
Tăng/(Giảm) khác	-	2.029.221.906	-	-	(2.029.221.906)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	272.781.996.456	113.201.049.000	1.717.241.479.607

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông với giá trị 1.000 VND/cổ phiếu, tương đương 318.154.614.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 30.000.000.000 VND (năm 2012 đã tạm trích 14.000.000.000 VND, số còn lại 16.000.000.000 VND trích trong năm 2013).
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 30.000.000.000 VND.
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.000.000.000 VND.
- Trích quỹ thường ban điều hành: 500.000.000 VND.

Các biến động khác là biến động của Công ty con và Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phà Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính hợp nhất.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	6.504.517.173.939	4.067.347.558.838
Sản xuất điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.500.989.976.867	4.064.421.376.542
Điện tự dùng	3.527.197.072	2.926.182.296
Hoạt động khác	84.020.955.619	63.210.268.335
Doanh thu hoạt động khác	84.020.955.619	63.210.268.335
	6.588.538.129.558	4.130.557.827.173

- (i) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa ký được phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá bán điện với Công ty Mua bán Điện cho năm 2013. Giá bán điện áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là đơn giá tạm tính trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thông qua phương án giá điện các Nhà máy điện của các Công ty phát điện. Doanh thu bán điện năm 2013 sẽ được điều chỉnh khi giá bán điện được thống nhất giữa hai bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND
Hoạt động sản xuất điện	5.541.112.893.375	3.657.910.118.700
Chi phí than, dầu	3.917.398.349.837	2.106.528.855.021
Chi phí khấu hao	674.852.306.405	672.849.720.927
Chi phí sửa chữa lớn	518.178.091.488	477.416.901.781
Chi phí sửa chữa thường xuyên	151.173.844.878	160.626.281.808
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	219.325.448.775	216.190.309.999
Chi phí phụ liệu	18.937.045.589	8.487.087.859
Chi phí khác	41.247.806.403	15.810.961.305
Hoạt động khác	17.043.516.010	8.492.429.804
	5.558.156.409.385	3.666.402.548.504

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.788.420.114.633	2.346.554.571.010
Chi phí nhân công	421.134.004.205	394.619.329.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	692.778.594.721	690.414.440.388
Chi phí sửa chữa lớn	518.178.091.488	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.972.177.017	165.036.426.217
Chi phí khác	72.614.718.116	166.800.174.130
	5.659.097.700.180	3.763.424.941.495

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	383.105.120.556	477.240.145.469
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	43.711.666.667	77.076.577.438
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	24.538.062.635	2.441.071
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	1.136.261.285.750	103.874.756.847
Cô tức được nhận	37.530.645.500	-
	1.625.146.781.108	658.193.920.825

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền vay	155.070.875.542	206.288.239.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	65.091.213.517
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	79.151.772.046	(2.144.000.000)
Chi phí tài chính khác	872.872.693	198.129.894
	235.095.520.281	269.433.582.790

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI
 Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	2013 VND	2012 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	(140.867.101.388)	(24.858.900.245)
Lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	71.231.882.969	9.174.416.863
	<u>(69.635.218.419)</u>	<u>(15.684.483.382)</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập chịu thuế	2.586.800.022.316	797.852.664.386
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	1.203.480.550.235	280.921.374.020
Thu nhập từ hoạt động khác	1.383.319.472.081	516.931.290.366
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	436.090.909.288	150.301.925.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	175.076.963.716	116.717.975.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	611.167.873.004	267.019.901.453

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.629.530.689.782	504.817.799.959
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.122	1.587

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	5.374.860.402.668	6.932.119.431.625
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.185.659.130.762	1.006.797.429.788
Nợ thuần	4.189.201.271.906	5.925.322.001.837
Vốn chủ sở hữu	5.397.100.318.579	4.156.071.272.037
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,78</u>	<u>1,43</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.185.659.130.762	1.006.797.429.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.408.538.726.136	1.303.175.362.732
Đầu tư ngắn hạn	3.753.051.965.073	3.466.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.433.078.848.150	1.512.877.160.491
Tổng cộng	7.780.328.670.121	7.288.901.918.084
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.374.860.402.668	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	280.176.231.258	208.170.109.027
Chi phí phải trả	43.375.342.321	59.316.801.638
Tổng cộng	5.698.411.976.247	7.199.606.342.290

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu tố rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠIPhường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Yên Nhật Bản (JPY)	5.374.860.402.668	6.932.119.431.625	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng một khoản là 537.486.040.267 VND (năm 2012: 693.211.942.162 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 32.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.185.659.130.762	-	-	1.185.659.130.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.408.538.726.136	-	-	1.408.538.726.136
Đầu tư ngắn hạn	3.753.051.965.073	-	-	3.753.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.386.580.848.150	1.433.078.848.150
Tổng cộng	6.347.249.821.971	46.498.000.000	1.386.580.848.150	7.780.328.670.121

31/12/2013	Các khoản vay	370.680.030.132	1.482.720.120.528	3.521.460.252.008	5.374.860.402.668
	Phải trả người bán và phải trả khác	280.176.231.258	-	-	280.176.231.258
	Chi phí phải trả	43.375.342.321	-	-	43.375.342.321
	Tổng cộng	694.231.603.711	1.482.720.120.528	3.521.460.252.008	5.698.411.976.247
	Chênh lệch thanh khoản thuần	5.653.018.218.260	(1.436.222.120.528)	(2.134.879.403.858)	2.081.916.693.874

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	-	-	1.006.797.429.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.303.175.362.732	-	-	1.303.175.362.732
Đầu tư ngắn hạn	3.466.051.965.073	-	-	3.466.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.466.379.160.491	1.512.877.160.491
Tổng cộng	5.776.024.757.593	46.498.000.000	1.466.379.160.491	7.288.901.918.084

31/12/2012	Các khoản vay	447.233.514.089	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	6.932.119.431.625
	Phải trả người bán và phải trả khác	208.170.109.027	-	-	208.170.109.027
	Chi phí phải trả	59.316.801.638	-	-	59.316.801.638
	Tổng cộng	714.720.424.754	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	7.199.606.342.290
	Chênh lệch thanh khoản thuần	5.061.304.332.839	(1.742.436.056.357)	(3.229.572.700.688)	89.295.575.794

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẨ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:*

Bên liên quan	Quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trực thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	6.506.165.985.411	4.064.421.376.542
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	420.997.743.207	407.359.971.204
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	155.070.875.542	206.288.239.379
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	268.063.194.444	329.997.222.222
Cỗ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	37.530.645.500	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	1.727.058.200	1.421.665.300

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.374.860.402.668	6.932.119.431.625
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.297.849.812.925	1.091.595.212.489
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	83.233.748.964	58.640.804.046
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.423.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.


Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014


Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

